

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: Chính quy)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Hà Tĩnh
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** HHT
- 3. Địa chỉ các trụ sở:** Trường Đại học Hà Tĩnh, xã Cẩm Vịnh, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** www.htu.edu.vn
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0941 332 333; 0963 300 555
- 6. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:** <https://htu.edu.vn/>

**II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế Tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT), Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Hà Tĩnh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mã 100)

Xét tuyển dựa vào tổ hợp các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025, tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét không dưới 25%.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT (Mã 200)

Xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học cấp THPT, tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét không dưới 25%.

2.3. Phương thức 3: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (Chứng chỉ IELTS) (Mã 409)

Xét tuyển dựa vào tổ hợp có môn Tiếng Anh và các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025, điểm môn Tiếng Anh được quy đổi từ điểm Chứng chỉ IELTS.

2.4. Phương thức 4: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (Mã 402)

Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học sư phạm Hà Nội tổ chức; đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức để xét tuyển

2.5. Phương thức 5: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (Mã 411)

2.6. Phương thức 6: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Mã 301), theo điều 8, quy chế tuyển sinh.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào: Sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD-ĐT.

3.2. Điểm trúng tuyển: Sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD-ĐT.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ¹	Tên ngành, nhóm ngành ²	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	40	Phương thức 1, 2, 3, 4, 5, 6	
2.	7340101_01	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	40		
3.	7340101_02	Quản trị thương mại điện tử	7340101	Quản trị kinh doanh	30		
4.	7340101_03	Quản trị logistics	7340101	Quản trị kinh doanh	30		
5.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	80		
6.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100		
7.	7380101	Luật	7380101	Luật	100		

^{1,6} Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

8.	7440301	An toàn, sức khỏe và môi trường	7440301	Khoa học môi trường	80		
9.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	50		
10.	7580201_01	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201	Kỹ thuật xây dựng	20		
11.	7580201_02	Tin học xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	20		
12.	7620110	Nông nghiệp công nghệ cao	7620110	Khoa học cây trồng	20		
13.	7620115	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Kinh tế nông nghiệp	30		
14.	7640101	Thú y	7640101	Thú y	30		
15.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	40		
16.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	160		
17.	7310201	Chính trị học	7310201	Chính trị học	30		
18.	7810103	QTĐV Du lịch và Lễ hành	7810103	QTĐV Du lịch và Lễ hành	50		

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Xét tuyển theo ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh, trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách thì điểm trung bình học tập lớp 12 (ĐTB12) của thí sinh nào cao hơn được xét trước;

b. Điểm cộng

Điểm cộng được tính theo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

Đối với ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên ở các trình độ đại học:

- Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD-ĐT, trường xây dựng phương án xét tuyển và công bố trên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.

- Xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT, xét tuyển học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Đối với các PTXT khác điểm xét tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD-ĐT (xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT).

Đối ngành Luật, tổng điểm xét tuyển tối thiểu phải đạt từ 18 điểm trở lên, điểm môn Toán và Văn phải từ 6 điểm trở lên.

Đối với các ngành khác, xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT: điểm trung bình cộng của các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 6.0.

Xét tuyển người nước ngoài vào học chương trình đại học:

- Văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp THPT của Việt Nam theo quy định pháp luật của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi lưu học sinh là thành viên đối với từng cấp học và trình độ đào tạo;

- Có chứng nhận Tiếng Việt hoặc đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc hoàn thành chương trình dự bị tiếng Việt.

- Lưu học sinh phải có đủ sức khỏe để học tập tại Việt Nam.

d. Thông tin xét tuyển

- Tổ hợp xét tuyển đối Phương thức 1, phương thức 2 và phương thức 3

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	B03: Toán, Văn, Sinh; C04: Văn, Toán, Địa; C14: Văn, Toán, GD&CD; D01: Văn, Toán, Anh; X01: Văn, Toán, GD&KT&PL.
2.	7340101_01	Quản trị kinh doanh	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
3.	7340101_02	Quản trị thương mại điện tử (Quản trị kinh doanh)	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL;

			X02: Toán, Văn, Tin.
4.	7340101_03	Quản trị logistics (Quản trị kinh doanh)	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
5.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
6.	7340301	Kế toán	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
7.	7380101	Luật	C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL.
8.	7440301	An toàn, sức khỏe và môi trường (Khoa học môi trường)	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL.
9.	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh;

			C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; X02: Toán, Văn, Tin; X06: Toán, Lý, Tin; X10: Toán, Hóa, Tin; X14: Toán, Sinh, Tin; X26: Toán, Tin, Anh;
10.	7580201_01	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng)	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GD CD; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT & PL; X02: Toán, Văn, Tin; X06: Toán, Lý, Tin; X21: Toán, Địa, GDKT & PL.
11.	7580201_02	Tin học xây dựng (Kỹ thuật xây dựng)	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; A09: Toán, Địa, GD CD; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT & PL; X02: Toán, Văn, Tin; X06: Toán, Lý, Tin; X21: Toán, Địa, GDKT & PL.
12.	7620110	Nông nghiệp công nghệ cao (Khoa học cây trồng)	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD CD; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT & PL.
13.	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00: Toán, Lý, Hóa; B03: Toán, Văn, Sinh; C03: Toán, Văn, Sử;

			C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
14.	7640101	Thú y	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL.
15.	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Văn, Toán, Anh; D10: Toán, Địa, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GD&CD, Anh; X78: Văn, Anh, GD&KT&PL.
16.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00: Văn, Sử, Địa; C03: Văn, Toán, Sử; C04: Văn, Toán, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Văn, Toán, Anh; D10: Toán, Địa, Anh; D14: Văn, Sử, Tiếng Anh; D15: Văn, Địa, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL.
17.	7310201	Chính trị học	A00: Toán, Lý, Hóa; C00: Văn, Sử, Địa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL.
18.	7810103	QTĐV Du lịch và Lữ hành	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GD&CD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GD&KT&PL. X02: Toán, Văn, Tin;

(Môn GDKT&PL: Giáo dục kinh tế và pháp luật; GDGD: Giáo dục công dân).

- Phương thức xét tuyển Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (Mã 409):

Điểm xét tuyển = Điểm quy đổi CCQT (theo bảng dưới) + Tổng điểm thi môn còn lại trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (không bao gồm môn Ngoại ngữ) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Bảng quy đổi chứng chỉ quốc tế:

Chứng chỉ IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0 - 9.0
Điểm Tiếng Anh	8.5	9.0	9.5	10	10	10	10

- Ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh được quy đổi tương đương về phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Phương thức 1);

- Xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Đối với thí sinh có điểm xét tuyển đạt từ 22.5 điểm trở lên, điểm ưu tiên (nếu có) được tính theo công thức: Mức điểm ưu tiên thí sinh được hưởng = [(30 - tổng điểm đạt được của thí sinh)/7,5] x tổng điểm ưu tiên được xác định thông thường.

- Sử dụng phương thức xét kết quả học tập cấp THPT thì phải dùng kết quả học tập cả năm lớp 12 của thí sinh với trọng số tính điểm xét không dưới 25%.

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo mã ngành của Trường và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp (NV1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển 1 NV cao nhất mà Trường xét tuyển khi đủ điều kiện và không được xét các NV tiếp theo khi đã trúng tuyển NV ưu tiên cao nhất;

- Nếu xét tuyển cho mỗi đối tượng chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại chuyển sang cho đối tượng khác;

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học và phải nhập học trong thời hạn quy định theo thông báo của Trường. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy để chuyển chỉ tiêu cho đối tượng khác.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Hồ sơ xét tuyển

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 12 THPT

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 1);

+ Bản sao có công chứng học bạ THPT;

+ Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2025);

- Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT
- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 1).
- + Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2025);
- Các phương thức xét tuyển còn lại
- + Phiếu đăng ký xét tuyển (Phụ lục 2).
- + Các giấy tờ liên quan đến phương thức xét tuyển.
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2025);

6.2. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển

Nhận hồ sơ từ ngày 01/3/2025 đến ngày 31/12/2025;

(Đối với học sinh tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, có thể nộp hồ sơ đăng ký trước và bổ sung Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT sau khi có kết quả).

6.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Thí sinh nộp theo địa chỉ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh, xã Cẩm Vịnh, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

- Nhận hồ sơ online: Thí sinh nộp hồ sơ online theo hướng dẫn của Trường Đại học Hà Tĩnh trên địa chỉ www.ts.htu.edu.vn hoặc truy cập mục tuyển sinh trên trang www.htu.edu.vn.

6.4. Dự kiến xét tuyển các đợt trong năm

a. Xét tuyển đợt 1: Theo lịch của Bộ Giáo dục & Đào tạo

b. Xét tuyển đợt bổ sung

- Đợt bổ sung 1: tháng 9/2025
- Đợt bổ sung 2: tháng 10/2025
- Đợt bổ sung 3: tháng 11/2025
- Đợt bổ sung 4: tháng 12/2025

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành ngoài sư phạm.

7.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

7.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

7.4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.5. Được ưu tiên xét tuyển (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp) đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Xét tuyển: 20.000 đồng/hồ sơ

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến Trường hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	100, 200	30	30	26.59	30	30	26.04	
2.	7340101_01	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100, 200	100	18	15.0	100	17	16.0	
3.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100, 200	80	11	15.0	100	0	16.0	
4.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100, 200	100	33	15.0	100		16.0	
5.	7380101	Luật	7380101	Luật	100, 200	100	10	15.0	100	7	16.0	
6.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100, 200	40	18	15.0	40	22	16.0	
7.	7620115	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Kinh tế nông nghiệp	100, 200	30	0	15.0	30	0	16.0	
8.	7640101	Thú y	7640101	Thú y	100, 200	30	5	15.0	30	0	16.0	
9.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100, 200	30	36	15.0	30	32	16.0	
10.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100, 200	130	173	15.0	130	147	16.0	
11.	7310201	Chính trị học	7310201	Chính trị học	100, 200	30	4	15.0	30	0	16.0	
12.	7810103	Quản trị DVDL và lễ hành	7810103	Quản trị DVDL và lễ hành	100, 200	40	0	15.0		5		

Cán bộ tuyển sinh

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Hải Trung

SĐT: 0915082552; Email: trung.nguyenhai@htu.edu.vn

Đoàn Hoài Sơn

